

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: C 2

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011901074	Nguyễn Hoài An		1	110.000	17		340.000	15		81.000	531.000			531.000	
2	NAN011901075	Nguyễn Thị An Bình		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
3	NAN011901076	Nguyễn Mỹ Chi		1	110.000	5		100.000				210.000			210.000	
4	NAN011901077	Phan Minh Đạt		1	110.000							110.000			110.000	
5	NAN011901078	Nguyễn Thị Dung		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	
6	NAN011901079	Nguyễn Ánh Dương		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	
7	NAN011901080	Nguyễn Ngọc Trâm		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
8	NAN011901081	Nguyễn Thị Ngọc Hà		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
9	NAN011901082	Phạm Thị Ngọc Hân		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
10	NAN011901083	Nguyễn Phi Bảo Khang		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
11	NAN011901084	Nguyễn Bảo Ngọc		1	110.000							110.000			110.000	
12	NAN011901085	Nguyễn Ngọc Tú Linh		1	110.000	8		160.000				270.000			270.000	
13	NAN011901086	Nguyễn Phi Nhật Minh		1	110.000	12		240.000	13		70.200	420.200			420.200	
14	NAN011901087	Nguyễn Quỳnh Nga		1	110.000	16		320.000				430.000			430.000	
15	NAN011901088	Trần Hà Quỳnh Nhi		1	110.000	16		320.000				430.000			430.000	
16	NAN011901089	Trần Mậu Pháp		1	110.000	17		340.000	16		54.000	504.000			504.000	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011901090	Trần Mậu Hoàng Phát		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
18	NAN011901091	Nguyễn Đức Hoàng Phúc		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
19	NAN011901092	Nguyễn Phi Tuấn Thành		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
20	NAN011901093	Trần Mậu An Thi		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
21	NAN011901094	Trần Hoàng Tú		1	110.000	14		280.000	14		75.600	465.600			465.600	
22	NAN011901095	Cao Nguyễn Thảo Vy		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
Tổng cộng				22	2.420.000	301		6.020.000	244		1.285.200	9.725.200			9.725.200	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu